

Số: 3626 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính (chuẩn hóa)
thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn thành phố**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 45/TTr-KHĐT ngày 26/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, hoàn thiện các quy trình nội bộ thực hiện các thủ tục hành chính tại Điều 1; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, XDGT&CT, TC-NS;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA
LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 3626 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (128 TTHC)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (29 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
2	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
3	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
4	1.009646	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
5	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
6	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
7	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sát nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.
8	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
9	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 - Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 - Quyết định 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018
10	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	-Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 -Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 -Quyết định 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018
11	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	07	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	-Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 -Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 -Quyết định 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018
12	1.009659	Thủ tục gia hạn thời gian hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	15	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính - Quyết định 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
13	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập (Mã thủ tục: 2.000529)	25	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17-06-2020. - Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022
14	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (Mã thủ tục: 2.001061)	25	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17-06-2020. - Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022
15	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý (Mã thủ tục: 2.001025)	25	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17-06-2020. - Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022
16	2.001021	4. Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) (Mã thủ tục: 2.001021)	25	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17-06-2020. - Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
17	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	10	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn
18	1.008423	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Nhóm A 15 Nhóm B, C 7	5 3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
19	2.002053	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	25	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
20	2.002050	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm	Không có	Không có	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
21	2.002333	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
22	2.002334	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
23	2.002335	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
24	2.002058	Xác nhận chuyên gia	10	5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư công năm 2019; - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 - Quyết định số 1395/QĐ-BKHĐT ngày 10/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
25	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	25	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021.
26	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	50	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021
27	1.009493	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	25	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Địa điểm nhận hồ sơ và trả kết quả	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố			Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
28	1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	50	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021
29	2.002283	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	30	10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Toàn trình	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2021 - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 - Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16/11/2021.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (99 TTHC)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp								
1.1	2.002016	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X	X	- Phí: Không. - Lệ phí: Miễn lệ phí.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.	
1.2	2.002020	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	05 ngày làm việc		X	X	- Phí: Không. - Lệ phí: Miễn lệ phí.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	nt	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.3	2.002022	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Thông báo: 01 ngày làm việc; - Giải thể: 05 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
1.4	2.002023	Giải thể doanh nghiệp	- Thông báo: 01 ngày làm việc; - Giải thể: 05 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
1.5	2.002031	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương						với các trường hợp ¹	nt	
1.6	2.002029	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	không		
1.7	2.002015	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	không.		

¹ Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.8	2.002017	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.9	2.002018	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.10	2.002032	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc	Hải Phòng	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.11	2.002033	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.12	2.002034	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.13	2.002059	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.14	2.002057	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.15	2.002083	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.16	2.002045	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.17	2.001954	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.18	2.001992	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.19	2.002044	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.20	2.001993	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.21	2.001996	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.22	2.002000	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.23	1.005114	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.24	2.002008	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.25	2.002009	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.26	2.002010	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.27	2.002011	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.28	2.002041	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.29	2.002042	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.30	2.002043	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.31	2.001199	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.32	2.001583	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.33	2.001610	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.34	1.010023	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: Miễn lệ phí.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1.35	1.010010	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: Miễn lệ phí.		
1.36	2.002060	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.37	2.002085	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
1.38	1.005176	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính								
1.39	2.002072	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.40	2.002075	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính								
1.41	2.002070	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.42	2.002069	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.43	1.005169	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	chính	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
				công Hải Phòng						
1.44	1.010026	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: Miễn lệ phí.		
1.45	1.010029	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.46	1.010031	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000		
1.47	1.010030	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng	03 ngày làm việc		X		X	- Phí: Không.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		Sở Kế hoạch và Đầu tư				- Lệ phí: 50.000		
1.48	1.010027	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: 100.000. - Lệ phí: 50.000.		
2 Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội										
2.1	2.000368	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính. - Thông tư số	
2.2	2.000375	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	03 ngày làm việc		X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000.		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
2.3	2.000416	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	- Phí: Không. - Lệ phí: 50.000.	01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/04/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
3 Lĩnh vực thành lập và sắp xếp lại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 phần trăm vốn điều lệ										
3.1	2.000529	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ.	
3.2	2.001061	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
3.3	2.001025	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	30 ngày làm việc		X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý								
3.4	1.002395	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
3.5	2.001021	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
4 Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa										
4.1	2.002418	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	14 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017. - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 28/6/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2022/TT-	
4.2	2.002004	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn	Không quy định		X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)		Sở Kế hoạch và Đầu tư						
4.3	2.002005	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
4.4	2.000005	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
4.5	1.000016	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
4.6	2.000024	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
4.7	2.001999	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam									
5.1	1.009729	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT- BKHĐT	

5.2	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
5.3	1.009661	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND	05 ngày làm việc		X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư								
5.4	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	18 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.5	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	03 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.6	1.009644	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.7	1.009655	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh		Hải Phòng						
5.8	1.009654	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.9	1.009650	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.10	1.009649	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.11	1.009647	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều	10 ngày làm việc		X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		chính chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh		Hải Phòng						
5.12	1.009652	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.13	1.009653	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.14	1.009656	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	14 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.15	1.009657	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc	05 ngày làm việc		X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
		diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)		Hải Phòng						
5.16	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.17	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.18	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
5.19	1.009662	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.20	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	05 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.21	1.009664	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
5.22	1.009646	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	34 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
6	Lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư									
6.1	1.009493	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Chi phí thẩm định được tính bằng 20% định mức hoặc dự toán chi phí thẩm tra (quy định tại Điều 16 Nghị định số 35/2021/NĐ - CP)	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020. - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ.	
6.2	1.009494	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	60 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X			
6.3	1.009491	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X			
6.4	1.009492	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	60 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
7.1	Lĩnh vực đấu thầu									
7.1	2.002283	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2021. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020. - Thông tư số 09/2021/TT- BKHĐT ngày 16/11/2021.	

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
8	Lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức									
8.1	2.002335	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ	
8.2	2.002333	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
8.3	2.002334	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
8.4	2.002050	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	- Luật đầu tư công. - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ. - Nghị định số 20/2023/NĐ-CP của Chính phủ.	
8.5	2.002053	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
8.6	2.001991	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
8.7	1.008423	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
8.8	2.002058	Xác nhận chuyên gia	30 ngày làm việc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không		
9	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn									
9.1	2.000765	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	- Đối với ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc. - Đối với ngân sách trung ương: thực hiện quy định pháp luật về đầu tư công.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X		X	Không	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ.	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (21 TTHC):

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh									
1.1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày	
1.2	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000		
1.3	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không		
1.4	1.001266	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không		
1.5	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000		

2 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã										
2.1	1.004982	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012. - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	
2.2	1.004895 .000.00.00.H47	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000		
2.3	1.004901 .000.00.00.H47	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000		
2.4	1.005010 .000.00.00.H47	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không		

2.5	1.005377 .000.00.00.H47	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không	
2.6	2.001958	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	Không	
2.7	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000	
2.8	2.001973 .000.00.00.H47	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000	
2.9	1.004972	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	
2.10	1.005121	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	

2.11	2.002120	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	
2.12	2.002122	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	
2.13	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000	
2.14	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	20.000	
2.15	2.002123	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	
2.16	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa cấp huyện	X		X	100.000	

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CẤP XÃ (3 TTHC):

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Trực tiếp	Trực tuyến		Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Một phần	Toàn trình			
1	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác									
1.1	2.002226	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa cấp xã	X		X	Không	- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015. - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ.	
1.2	2.002227	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa cấp xã	X		X	Không		
1.3	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa cấp xã	X		X	Không		

